

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc V có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2014, quyển số 01/2014 ngày 15/9/2014. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông V hay đánh đập vợ. Hiện

tại, vợ chồng đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc V.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 15/11/2014; khi ly hôn bà Nguyễn Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Th tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

***Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Ngọc V thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì ông V xác định vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ nhặt, không có phát sinh mâu thuẫn nào lớn, ông V đã cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng bà Th không đồng ý. Do còn thương vợ con nên ông V không đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Ông V thống nhất với lời trình bày của bà Th về con chung. Ông V không đồng ý ly hôn nhưng nếu ly hôn thì ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Ông V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc V thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Ngọc V được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc V có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2014, quyển số 01/2014 ngày 15/9/2014, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Th xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khoảng năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Th là do do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông V hay đánh đập vợ, từ năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hiện tại vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông V xác định vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ nhặt, không có phát sinh mâu thuẫn nào lớn, ông V đã cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng bà Th không đồng ý. Hiện tại, bà Th và ông V đều không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “ *Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc V không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 15/11/2014; khi ly hôn các đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung hiện đang sống chung với bà Th, bà Th có đầy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông V có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho bà Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà Th là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Ngọc V như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc V.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 15/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc V đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Duy A 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037818 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**